

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 307/2024/DS-ST

Ngày: 31-10-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và tranh chấp hợp đồng thế chấp*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn

Ông Lê Minh Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hiệp- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế chấp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: số 57 đường K, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ P, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, chức vụ: Phó phòng phụ trách Phòng Tổ tụng xử lý nợ. Ông T ủy quyền lại cho các ông, bà: Ngô Văn L, Nguyễn Mạnh H, Hồ Thị Thanh N, Lê Văn Đ, Trương Thị H tham gia tố tụng (theo Giấy ủy quyền ngày 27/3/2024). Ông L, ông H, bà N, ông Đ đều vắng mặt, bà H có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1980; cùng trú tại: Khối phố 1, phường X, thành phố K, tỉnh Quảng Nam. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, đơn bổ sung ngày 11/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A bà Trương Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Thanh S có vay tiền tại Ngân hàng TMCP A theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01

ngày 06/11/2020, số tiền vay: 2.060.0000.000 đồng; ngày giải ngân: 06/11/2020; mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô; thời hạn cho vay: 84 tháng, kể từ ngày 07/11/2020 đến ngày 06/11/2027; lãi suất: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 06/11/2020 cho đến ngày 06/11/2021 là 8%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 06/11/2027; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP A tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5%/năm; lịch trả nợ gốc và lãi: Vào ngày 10 hàng tháng; phí, phạt: Theo quy định của Ngân hàng TMCP A;

- Ngày 17/11/2020 bà Nguyễn Thị A có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP A kèm hợp đồng sử dụng thẻ với hạn mức 100.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 25,3%/năm, sau khi hợp đồng thẻ tín dụng Ngân hàng A không có thay đổi về lãi suất.

Tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HĐTD/DNG/01 ngày 06/11/2020, bà A, ông S đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, màu đen, số khung 8DX3LV003995, số máy 492030287704, biển kiểm soát 92A -225.10, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045106 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị A ngày 05/11/2020 theo Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HĐTD/DNG/01 ngày 06/11/2020, đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 06/11/2020 theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình trả nợ vay, bà A, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 1.093.502.749 đồng, gồm 686.666.695 đồng nợ gốc, 406.836.054 đồng nợ lãi. Từ ngày 10/4/2023 đến nay bà A, ông S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi vay cho nên Ngân hàng TMCP A đã chuyển toàn bộ khoản nợ sang quá hạn từ ngày 10/4/2023. Ngân hàng TMCP A đã làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện cho bà A, ông S thanh toán nợ nhưng Ngân hàng TMCP A không nhận được sự hợp tác trả nợ. Căn cứ quy định tại hợp đồng cho vay, Ngân hàng TMCP A đã gửi thông báo thu hồi nợ trước hạn để thu hồi trước hạn toàn bộ khoản nợ của bà A, ông S. Dư nợ của bà A tạm tính đến ngày 31/10/2024 là 1.974.418.863 đồng, trong đó nợ của Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HĐTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 là 1.698.303.674 đồng, gồm nợ gốc 1.373.333.305 đồng; nợ lãi 324.970.369 đồng (nợ lãi trong hạn là 237.291.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 87.679.355 đồng); nợ của hợp đồng thẻ tín dụng: 276.115.189 đồng. Do đó Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà A và ông S thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2024 là 1.974.418.863 đồng, trong đó nợ của Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HĐTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 là 1.698.303.674 đồng, gồm nợ gốc 1.373.333.305 đồng; nợ lãi 324.970.369 đồng (nợ lãi trong hạn là 237.291.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 87.679.355 đồng); nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng là 276.115.189 đồng, gồm nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi, phí 176.115.189 đồng và các khoản phát sinh trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 01/11/2024 đến khi bà A, ông S thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp bà A, ông S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ khoản vay của Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HĐTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 và của Hợp đồng thẻ tín dụng ngày

17/11/2020, Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô Mercedes Benz màu đen, số khung 8DX3LV003995, số máy 492030287704, biển kiểm soát 92A - 225.10 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045106 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị A ngày 05/11/2020 để thu hồi các khoản vay trên. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà A, ông S có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của đại diện của nguyên đơn về việc vợ chồng có ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng với ngân hàng để vay tiền, đã thế chấp tài sản là xe ô tô Mercedes – Benz, màu đen, biển kiểm soát 92A -225.10 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045106 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp cho bà ngày 05/11/2020. Sau khi vay vốn bà vẫn thanh toán đầy đủ, cho đến tháng 3/2023 bà làm ăn thua lỗ nên không có tiền thanh toán khoản vay, nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, hiện khoản nợ trên đã quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả khoản nợ vay tính đến hết ngày 08/8/2024 là 1.928.111.937 đồng, trong đó nợ gốc 1.373.333.305 đồng; nợ lãi 278.663.443 đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 213.057.797, nợ lãi quá hạn là 65.605.646 đồng); nợ thế tín dụng là 276.115.189 đồng thì vợ chồng bà thống nhất. Tuy nhiên xe ô tô mà bà thế chấp cho ngân hàng hiện bà đã bán cho ông Đ, là chủ Công ty TNHH Đ AUTO có địa chỉ tại số 240 đường Ng, phường M, quận T, thành phố N với giá là 2.300.000.000 đồng. Khi bán thì ông Đ và bà có lập văn bản, nhưng văn bản này chỉ có ông Đ giữ, bà không giữ. Trong văn bản này có nội dung ông Đ đặt cọc cho bà số tiền 700.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng sau khi đặt cọc thì ông Đ có trách nhiệm trả hết nợ vay cho ngân hàng thay cho vợ chồng bà để lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mà vợ chồng bà đã thế chấp cho ngân hàng để vợ chồng bà và ông Đ ký hợp đồng chuyển nhượng xe, tuy nhiên sau khi hết thời hạn 01 tháng thì ông Đ không trả tiền vay cho ngân hàng để lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ra, nhưng cũng không trả lại xe cho vợ chồng bà. Nay vợ chồng bà đề nghị trả cho ngân hàng 700.000.000 đồng để xin giải chấp xe ô tô đã thế chấp cho ngân hàng ra, số tiền nợ còn lại vợ chồng bà xin ngân hàng chuyển qua khoản vay tín chấp, vợ chồng bà sẽ cố gắng trả nợ sớm cho ngân hàng.

- Bị đơn ông Phan Thanh S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...) cho ông S nhưng ông S không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa theo các thông báo của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Thanh S phải thanh toán nợ vay cho nguyên đơn theo các hợp đồng cho vay đã ký kết. Căn cứ các Điều 26, 35 và 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế chấp*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị A và ông Phan Thanh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông S, bà A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1.1] Về tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết

Vào ngày 06/11/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020HDTD/DNG/01, theo đó nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 2.060.0000.000 đồng; mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô; thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 07/11/2020 đến ngày 06/11/2027; lãi suất: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 06/11/2020 cho đến ngày 06/11/2021 là 8%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần; lịch trả nợ gốc và lãi: Vào ngày 10 hàng tháng. Nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay cho bị đơn vào ngày 06/11/2020. Ngoài ra, ngày 17/11/2020 bà A có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP A kiêm hợp đồng sử dụng thẻ, hạn mức là 100.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 25,3%/năm.

Xét thấy các Hợp đồng cho vay được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn đảm bảo các quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, do đó các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quá trình vay tiền bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận quy định tại 1.7 Điều 1 của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 là: “*Lịch trả nợ: ... Kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần vào ngày 10, ... kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ do Ngân hàng TMCP A gửi khách hàng, định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10*”

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 1.974.418.863 đồng, trong đó nợ của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 là 1.698.303.674 đồng, gồm nợ gốc 1.373.333.305 đồng, nợ lãi 324.970.369 đồng; nợ của hợp đồng thẻ tín dụng là 276.115.189 đồng, gồm nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi, phí 176.115.189 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay.

[2.1.2] Về hợp đồng thế chấp tài sản

Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô Mercedes -Benz, màu đen, biển kiểm soát 92A - 225.10 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045106 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị Lê A ngày 05/11/2020 để thu hồi các khoản nợ vay của bị đơn gồm nợ của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 và nợ của Hợp đồng thế tín dụng ngày 17/11/2020, nếu trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ các khoản vay cho ngân hàng.

Xét thấy nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết phù hợp với các Điều 117, 318, 319, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực, do đó các bên phải thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thế chấp, đồng thời tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Tuy nhiên đối với yêu cầu của nguyên đơn nếu trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền đề nghị xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ các khoản nợ vay thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ vay của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01 ngày 06/11/2020, nếu trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ các khoản vay cho ngân hàng. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ vay của Hợp đồng thế tín dụng ngày 17/11/2020, nếu trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ các khoản vay cho ngân hàng thì Hội đồng xét xử không chấp nhận, vì tại Đơn đề nghị phát hành thế tín dụng Ngân hàng TMCP A kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 17/11/2020 ghi thế tín dụng tín chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà A cho rằng xe ô tô Mercedes - Benz mà vợ chồng bà thế chấp cho ngân hàng hiện bà đã bán cho ông Đ, là chủ Công ty TNHH Đ AUTO. Khi bán thì giữa bà và ông Đ có lập văn bản nhưng ông Đ là người giữ, bà không giữ, trong văn bản có nội dung ông Đ đặt cọc cho bà 700.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng sau khi đặt cọc thì ông Đ có trách nhiệm trả hết nợ vay cho ngân hàng thay vợ chồng bà để lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ra để hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng, tuy nhiên sau khi hết thời hạn thỏa thuận thì ông Đ không trả tiền vay cho ngân hàng nhưng cũng không trả lại xe cho vợ chồng bà, kèm theo trình bày thì bà có nộp cho Tòa án bản photo Đơn trình báo của bà ghi ngày 15/8/2023, ghi nơi gửi là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh N và Công an thành phố K. Tuy nhiên qua kết quả xác minh của Tòa án tại Công an thành phố K vào ngày 23/7/2024 thì Công an thành phố K xác định trong thời gian từ ngày 15/8/2023 đến ngày 23/7/2024 Công an thành phố K không nhận được đơn trình báo hay bất cứ đơn thư gì của bà A, như vậy ngoài lời khai của bà A thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà A đã nhận đặt cọc hay đã bán chiếc xe này cho ông Đ, nên không có cơ sở xem xét.

Ngày 24/7/2024 Tòa án ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô Mercedes – Benz và đã thông báo yêu cầu bị đơn đem xe đến trụ sở của Tòa án để tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ, tuy nhiên bị đơn không đem xe đến nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến hiện xe ô tô Mercedes – Benz bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn nên đề nghị Tòa án căn cứ vào hợp đồng thế chấp để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 71.232.000 đồng {800.000.000 đồng là 36.000.000 đồng + (1.174.418.863 đồng x 3%= 35.232.000 đồng) = 71.232.000 đồng}.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 117, 299, 318, 319, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Thanh S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 1.974.418.863 đồng (*một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm mười tám nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó nợ của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 là 1.698.303.674 đồng, gồm nợ gốc 1.373.333.305 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31-10-2024) là 324.970.369 đồng; nợ của hợp đồng thế tín dụng là 276.115.189 đồng, gồm nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi, phí tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/10/2024) là 176.115.189 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A nếu trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đối với Hợp đồng thế tín dụng ngày 17/11/2020 thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01 ngày 06/11/2020 để thu hồi nợ của Hợp đồng thế tín dụng ngày 17/11/2020.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Thanh S không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô Mercedes Benz, màu đen, số khung 8DX3LV003995, số máy 492030287704, biển kiểm soát 92A - 225.10 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045106 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an

tỉnh Quảng N cấp cho bà Nguyễn Thị A ngày 05/11/2020 để thu hồi nợ của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2530/2020/HDTD/DNG/01 ngày 06/11/2020.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Thanh S phải chịu 71.232.000 (*bảy mươi một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn*) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.364.000 (*ba mươi triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001171 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-10-2024); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Vân

